

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HSST
Ngày: 20 -3 -2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thoại

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Tọa

Bà Nguyễn Thị Kim Thảo

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phí Ngọc Minh - Thư ký Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước
tham gia phiên tòa:*** Ông Dương Mỹ Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 38/2017/HSST ngày 05 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H, sinh năm 1996, tại: Nam Định; Hộ khẩu thường trú: Tổ 8, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 6/12; con ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị T; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 20/3/2017; thay đổi biện pháp tạm giam bằng biện pháp cho bảo lãnh ngày 17/6/2017; bắt tạm giam lại ngày 28/02/2018; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo:* Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1962 và bà Trần Thị T, sinh năm 1964 (là cha, mẹ của bị cáo); đều trú tại: Tổ 8, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; (ông S vắng mặt, bà T có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H:* Ông Đặng Thái H, sinh năm 1978, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước - Sở tư pháp tỉnh Bình Phước; địa chỉ: Thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; (có mặt)

- *Bị hại:* Trần Văn G, sinh năm 2001; nơi cư trú: Thôn 10, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; (có mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:* Ông Trần Văn B, sinh năm 1973 (là cha của người bị hại; nơi cư trú: Thôn 10, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Trần Văn B, sinh năm 1973; nơi cư trú: Thôn 10, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; (có mặt).

2. Võ Thị K N, sinh năm 1972; nơi cư trú: Khu phố 1, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước; (vắng mặt).

3. Võ Thị G, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 13/3/2017, Nguyễn Văn H từ Đắc Nông đến nhà Trần Văn B (Thôn 10, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước) chơi. Sau đó ông B nói với H ở lại giúp gia đình tưới nước cho cây tiêu, H đồng ý. Sáng ngày 16/3/2017, H cùng với Trần Văn G (con ông B) tiếp tục đi tưới nước cho cây tiêu. G nói với H *“Nếu chiều nay trời mưa thì đi ra chợ Đ để chơi game”*, H đồng ý. Do biết G thường xuyên đi chơi game bằng xe mô tô biển kiểm soát 93H1-20804 của gia đình, nên H nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô để cầm cố lấy tiền sử dụng. Khoảng 14 giờ cùng ngày, H vào phòng khách lấy giấy đăng ký xe mô tô để ở tủ đựng ti vi bỏ vào túi quần rồi cùng G đi chà tiêu. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày thì trời mưa nên G điều khiển xe mô tô chở H đến dịch vụ Internet T T (thôn Đ, xã Đ, huyện Bù Gia Mập) để chơi game. Trong lúc chơi đang chơi game, H nảy sinh ý định chiếm đoạt luôn chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F1S của G để bán lấy tiền sử dụng. H nói dối với G *“có người gửi tiền cho H, G cho H mượn xe mô tô đến Ngân hàng rút tiền và điện thoại để liên lạc với người gửi tiền”*, G đồng ý giao xe và điện thoại cho H. Sau khi nhận xe và điện thoại, H điều khiển xe đến tiệm điện thoại C N (thôn Đ, xã Đ, Bù Gia Mập) bán điện thoại di động cho Võ Thị G với giá 3.000.000 đồng; đến dịch vụ cầm đồ K N (thị xã P, tỉnh Bình Phước) cầm cố xe mô tô cho Võ Thị K N lấy 7.000.000 đồng. Sau đó, H đón xe khách đi thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Nai và đã sử dụng hết số tiền trên

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: Một xe mô tô nhãn hiệu Honda Future F1, biển kiểm soát số 93H1-208.04; Một điện thoại di động hiệu OPPO F1S.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 14/HĐ.ĐGTSTTTHS ngày 21-3-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bù Gia Mập kết luận: tại thời điểm ngày 16/3/2017 xe mô tô hiệu Honda Future F1, biển kiểm soát số 93H1-208.04 có giá trị là 27.900.000 đồng và điện thoại di động hiệu OPPO F1S có giá trị 4.800.000 đồng.

Ngày 20/3/2017, Nguyễn Văn H ra đầu thú tại Công an huyện Bù Gia Mập.

Ngày 23/3/2017, Nguyễn Văn H bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Gia Mập khởi tố bị can để điều tra.

Bản cáo trạng số 31/CT-VKS ngày 01-9-2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Lừa đảo chiếm tài sản” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo có ý định chiếm đoạt từ trước và dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt một chiếc xe mô tô hiệu Honda Future F1, biển kiểm soát số 93H1-208.04 có giá trị là 27.900.000 đồng và một điện thoại di động hiệu OPPO F1S có giá trị 4.800.000 đồng của Trần Văn G tại xã Đắc O, huyện Bù Gia Mập. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 38; Điều 50; các điểm i, q, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc bị cáo Nguyễn Văn H trả lại cho Võ Thị K N số tiền 7.000.000 đồng và trả lại cho Võ Thị G số tiền 3.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng có ý kiến như sau:

- Bị cáo Nguyễn Văn H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và có lời nói sau cùng: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm về với gia đình, hòa nhập với cộng đồng.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Bà T trình bày: xin Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo 6 tháng tù và cho hưởng án treo.

Ông Sơn trình bày tại lời khai (BL 65, 66): H đang bị lên cơn động kinh, thường hay điều trị tại bệnh viện đa khoa Đắc Song.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Đặng Thái H trình bày: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như bị cáo có bệnh bị hạn chế năng lực nhận thức; bị cáo đầu thú; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đề nghị xử phạt bị cáo mức án 06 tháng tù.

- Người bị hại Trần Văn G: Anh G đã nhận lại tài sản là điện thoại di động hiệu OPPOF1S và không có yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn B: Ông B đã nhận lại tài sản là xe mô tô hiệu Honda Future F1, biển kiểm soát số 93H1-208.04 và không yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị K N khai tại (BL 87-91): Bà K N yêu cầu Tòa án buộc bị cáo trả lại số tiền 7.000.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị G: Bà G yêu cầu Tòa án buộc bị cáo trả lại số tiền 3.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bù

Gia Mập, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về áp dụng Bộ luật hình sự để xét xử: Theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 có các quy định khác không có lợi cho người phạm tội so với khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14. Áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo, nên áp dụng Bộ luật hình sự năm 1999 để xét xử đối với bị cáo.

Theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định tình tiết giảm nhẹ mới “Đầu thú”. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14. Áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo, nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định của Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo cơ bản phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ về thời gian, địa điểm phạm tội và vật chứng vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Nguyễn Văn H đã thực hiện hành vi bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt một chiếc xe mô tô hiệu Honda Future F1, biển kiểm soát số 93H1-208.04 có giá trị là 27.900.000 đồng và một điện thoại di động hiệu OPPO F1S có giá trị 4.800.000 đồng của Trần Văn G tại xã Đắc O, huyện Bù Gia Mập. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 32.700.000 đồng.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; ngoài ra còn gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, động cơ cá nhân, mục đích chiếm đoạt tài sản để cầm cố và bán lấy tiền sử dụng. Bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm tài sản”. Viện kiểm sát truy tố và luận tội bị cáo theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật

[5] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, cần áp dụng hình phạt tù tương xứng với hành vi và H quả do các bị cáo gây ra, nhằm giáo dục bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật, tôn trọng tài sản của người khác và phòng ngừa chung.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”; “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”; “Người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình”, “Bị cáo đầu thú”. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được xem xét khi lượng hình quy định tại các điểm i, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Xét bị cáo tại ngoại bỏ trốn trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã đề nghị cơ quan điều tra truy nã và bị cáo đã bị bắt tạm giam lại để xét xử. Theo tinh thần của Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về án treo thì bị cáo thuộc trường hợp không cho hưởng án treo. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét các điều kiện được hưởng án treo đối với bị cáo.

[8] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức án đối với bị cáo là phù hợp; đề nghị buộc bị cáo trả cho bà K N 7.000.000 đồng và trả cho bà G 3.000.000 đồng là có căn cứ.

[9] Người bào chữa đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là có căn cứ, nên được chấp nhận; đề nghị mức án 06 tháng tù là quá nhẹ, nên không được chấp nhận.

[10] Về vật chứng:

Xe mô tô hiệu Honda Future F1, biển kiểm soát số 93H1-208.04 là của ông Trần Văn B và điện thoại di động OPPO F1S là của anh Trần Văn G, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Gia Mập đã trả lại xe cho ông B và trả lại điện thoại di động cho anh G là đúng nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[11] Về trách nhiệm dân sự:

- Người bị hại Trần Văn G và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn B đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị K N yêu cầu bị cáo trả lại 7.000.000 đồng; bà Võ Thị G yêu cầu bị cáo trả lại 3.000.000 đồng. Xét yêu cầu của bà N và bà G là có căn cứ, vì khi bà K N nhận cầm xe và bà G mua điện thoại, thì bà N và bà G không biết tài sản do phạm tội mà có. Các giao dịch này bị vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật theo quy định tại Điều 123 của Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của bà N và bà G. Buộc bị cáo phải trả lại cho bà N số tiền 7.000.000 đồng và trả lại cho bà G số tiền 3.000.000 đồng theo quy định tại Điều 131 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[12] Án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ các điểm b, c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14;

Áp dụng khoản 1 Điều 139; Điều 33; Điều 45 của Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm i, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt Nguyễn Văn H 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 28/02/2018, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giam trước từ ngày 20/3/2017 đến ngày 17/6/2017.

Quyết định tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999, các điều 123, 131, 357 của Bộ luật dân sự 2015

- Buộc bị cáo phải trả lại cho bà Võ Thị K N số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

- Buộc bị cáo phải trả lại cho bà Võ Thị G số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Kể từ ngày bà N và bà G có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chậm thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 1 và khoản 2 Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 1999; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí HSST và 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) án phí DSST.

4. Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án (20/3/2018). Người đại diện hợp pháp của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;
- CA huyện Bù Gia Mập (03 bản);
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Thoại